|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
| Số: /2023/QĐ-UBND | *Ninh Bình, ngày tháng 6 năm 2023* |

**(Dự thảo lần 1)**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình**

**xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số*[*28/2018/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-28-2018-nd-cp-huong-dan-luat-quan-ly-ngoai-thuong-ve-bien-phap-phat-trien-ngoai-thuong-376024.aspx)*ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;*

*Căn cứ Nghị định số*[*81/2018/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-81-2018-nd-cp-huong-dan-luat-thuong-mai-ve-hoat-dong-xuc-tien-thuong-mai-352393.aspx)*ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;*

*Căn cứ Quyết định số*[*72/2010/QĐ-TTg*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/quyet-dinh-72-2010-qd-ttg-quy-che-xay-dung-quan-ly-thuc-hien-chuong-trinh-114740.aspx)*ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia; Quyết định số*[*12/2019/QĐ-TTg*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/quyet-dinh-12-2019-qd-ttg-sua-doi-quyet-dinh-72-2010-qd-ttg-xuc-tien-thuong-mai-quoc-gia-408127.aspx)*ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số*[*72/2010/QĐ-TTg*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/quyet-dinh-72-2010-qd-ttg-quy-che-xay-dung-quan-ly-thuc-hien-chuong-trinh-114740.aspx)*ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số*[*171/2014/TT-BTC*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-171-2014-tt-btc-ho-tro-tai-chinh-xuc-tien-thuong-mai-quoc-gia-257967.aspx)*ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số*[*11/2019/TT-BCT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-11-2019-tt-bct-xuc-tien-thuong-mai-phat-trien-ngoai-thuong-chuong-trinh-cap-quoc-gia-420673.aspx)*ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại; Thông tư số*[*40/2020/TT-BCT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-40-2020-tt-bct-sua-doi-thong-tu-11-2019-tt-bct-hoat-dong-xuc-tien-thuong-mai-459620.aspx)*ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư*[*11/2019/TT-BCT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-11-2019-tt-bct-xuc-tien-thuong-mai-phat-trien-ngoai-thuong-chuong-trinh-cap-quoc-gia-420673.aspx)*ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số …… /TTr-SCT ngày ….. tháng ….. năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2023 và thay thế Quyết định số [33/2015/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/quyet-dinh-18-2015-qd-ubnd-quy-che-xay-dung-thuc-hien-chuong-trinh-xuc-tien-thuong-mai-bac-kan-320180.aspx" \o "Quyết định 18/2015/QĐ-UBND" \t "_blank) ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh Ninh Bình.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Tư pháp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Văn phòng Chính phủ; - Bộ Công Thương; - Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;- Như Điều 3 (t/h); - TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh; - CT, các Phó CT UBND tỉnh; - Đoàn ĐBQH tỉnh; - LĐVP; - Trung tâm CBTH; Cổng TTĐT tỉnh; - Lưu: VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH     Nguyễn Cao Sơn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**(Dự thảo lần 1)**

**QUY CHẾ**

**Xây dựng, quản lý và thực hiện**

**Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:      /2023/QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình, cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ, các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình (gọi tắt là Đơn vị chủ trì) và các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình (gọi tắt là Đơn vị thực hiện).

**Điều 2. Nguyên tắc xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình**

1. Phù hợp định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chương trình phát triển xuất khẩu hàng hóa và phát triển thương mại của tỉnh Ninh Bình; phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

2. Chương trình thực hiện phải đảm bảo khả thi, đúng mục tiêu, đối tượng áp dụng, sử dụng kinh phí tiết kiệm và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

**Điều 3. Mục tiêu của Chương trình**

1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình, phát triển ngoại thương, mở rộng thị trường trong nước.

2. Hỗ trợ công tác quy hoạch, vận hành hạ tầng thương mại.

3. Góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh các hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; nâng cao khả năng cạnh tranh, lợi thế so sánh cho các sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh.

4. Gắn kết các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch của tỉnh.

**Điều 4. Cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình**

Sở Công Thương là cơ quan được UBND tỉnh giao trách nhiệm quản lý Chương trình, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan phổ biến định hướng phát triển ngoại thương, thị trường trong nước theo chiến lược, quy hoạch và các đề án xúc tiến thương mại của các Bộ, ngành Trung ương và UBND tỉnh phê duyệt;

2. Hướng dẫn xây dựng Chương trình xúc tiến thương mại và tiêu chí đánh giá nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại phù hợp mục tiêu, yêu cầu của Chương trình theo quy định tại Quy chế này;

4. Thành lập Tổ thẩm định (Tổ trưởng: Lãnh đạo Sở Công Thương, thành viên là đại diện các sở, ngành có liên quan) có nhiệm vụ đánh giá, thẩm định các nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại của đơn vị chủ trì xây dựng phù hợp tiêu chí mục tiêu, yêu cầu Chương trình. Tổ thẩm định có thể mời và tham khảo ý kiến chuyên gia trong quá trình thẩm định;

5. Phê duyệt chương trình và kinh phí được hỗ trợ sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt dự toán chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh hàng năm theo quy định;

6. Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh, phối hợp quản lý kinh phí thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại thực hiện tại địa phương;

7. Tổ chức triển khai, giám sát các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình; đôn đốc các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng, một năm và tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình báo cáo UBND tỉnh.

**Điều 5. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình**

1. Đơn vị chủ trì bao gồm: Các Sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị trong tỉnh được giao chức năng, nhiệm vụ xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có đề án, nhiệm vụ xúc tiến thương mại đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu, điều kiện quy định tại Quy chế này và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có tư cách pháp nhân;

b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình, có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại;

c) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh;

d) Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho các đối tượng tham gia, không nhằm mục đích lợi nhuận;

3. Đơn vị chủ trì tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện Chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 6. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình**

1. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình gồm: Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, các hội, hiệp hội và các tổ chức xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Quy chế này và chịu trách nhiệm nâng cao hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại mà đơn vị tham gia.

3. Ưu tiên hỗ trợ đơn vị tham gia Chương trình là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp và các hợp tác xã mới thành lập; sản xuất, kinh doanh sản phẩm vừa phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu; sản xuất, kinh doanh sản phẩm truyền thống, đặc sản của tỉnh; sản phẩm có thương hiệu, nhãn hiệu đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc có sản phẩm đạt giải cấp tỉnh, cấp khu vực và cấp quốc gia, có nhu cầu quảng bá sản phẩm mới.

**Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình**

1. Kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình từ các nguồn sau:

a) Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ;

b) Ngân sách tỉnh cấp hỗ trợ hàng năm theo Kế hoạch;

c) Đóng góp của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xúc tiến thương mại của tỉnh;

d) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

c) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách địa phương hỗ trợ thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình theo nguyên tắc:

a) Kinh phí thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Sở Công thương.

b) Hỗ trợ đơn vị tham gia thực hiện Chương trình thông qua đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình.

c) Các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình chịu trách nhiệm huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác kết hợp với phần ngân sách địa phương hỗ trợ để đảm bảo thực hiện được Chương trình.

**Điều 8. Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh**

1. Sở Công Thương xây dựng kế hoạch, tổng hợp kinh phí các nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại của các đơn vị tham gia đã được Tổ thẩm định thông qua, làm cơ sở để đưa vào dự toán ngân sách hàng năm của Sở Công thương, trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch, Sở Công Thương tiến hành phê duyệt các nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại và kinh phí hỗ trợ theo nguyên tắc tổng kinh phí hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại của Chương trình không vượt quá tổng dự toán được giao.

3. Căn cứ quyết định phê duyệt các nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại và phân bổ kinh phí hỗ trợ Chương trình của Sở Công Thương, các đơn vị chủ trì có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện và thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ được phân bổ.

4. Cơ quan được giao dự toán ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại có trách nhiệm gửi hồ sơ, chứng từ đến Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để tạm ứng, thanh toán theo đúng quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

5. Kinh phí xúc tiến thương mại do ngân sách cấp chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch thì nộp trả ngân sách tỉnh.

6. Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại của tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh, quyết toán các khoản kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh theo quy định của pháp luật.

**Chương II**

**NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ**

**Điều 9.** **Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương**

1. Hỗ trợ kết nối giao thương, tham gia hệ thống phân phối ở nước ngoài, tại Ninh Bình và các tỉnh, thành phố trong cả nước *(theo khoản 1, Điều 15, Nghị định 28/2018/NĐ-CP; Mục 1, Chương II, Thông tư 11/2019/TT-BCT)*

a) Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm quốc tế ở nước ngoài đối với các sản phẩm xuất khẩu của tỉnh. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí: *(theo điểm a, khoản 5, Điều 5 của TT 171/2014/TT-BTC)*

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

- Trang trí chung của khu vực gian hàng của tỉnh (bao gồm cả gian hàng quốc gia nếu có);

- Chi phí tổ chức khai mạc (nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam): Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

- Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, phiên dịch, an ninh, lễ tân, nước uống, tài liệu, diễn giả;

- Trình diễn sản phẩm: Thuê địa điểm, thiết kế và trang trí sân khấu, âm thanh, ánh sáng, trang thiết bị, người trình diễn, người dẫn chương trình, phiên dịch;

- Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình;

- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 200 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

b) Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm tại Ninh Bình và các tỉnh thành phố trong cả nước về định hướng xuất khẩu và các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị nhập khẩu phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, sản phẩm công nghệ, nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh mà tỉnh Ninh Bình sản xuất. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí: *(theo khoản 1, Điều 12 Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg đã được sửa đổi tại Khoản 3, Điều 1 của Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg; điểm b, khoản 5, Điều 5 của TT 171/2014/TT-BTC)*

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

- Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa tính trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng);

- Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm;

- Trang trí chung của hội chợ triển lãm;

- Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

- Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị;

- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 12 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

c) Tổ chức, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trên môi trường mạng gồm;

- Hỗ trợ xây dựng khu vực trưng bày, giới thiệu hàng hóa xuất khẩu trên sàn giao dịch thương mại điện tử;

-Tham gia gian hàng của các hội chợ, triển lãm quốc tế trên môi trường mạng;

- Tổ chức hội chợ, triển lãm trên môi trường mạng;

- Tổ chức hội nghị quốc tế ngành hàng xuất khẩu, giao thương trên môi trường mạng;

- Tổ chức Hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường trên môi trường mạng;

- Tổ chức đào tạo, tập huấn trên môi trường mạng.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ đối với các quy định tại khoản 2, Điều này áp dụng theo quy định tại khoản 1, Điều 1, Thông tư số [40/2020/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-40-2020-tt-bct-sua-doi-thong-tu-11-2019-tt-bct-hoat-dong-xuc-tien-thuong-mai-459620.aspx) ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [11/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-11-2019-tt-bct-xuc-tien-thuong-mai-phat-trien-ngoai-thuong-chuong-trinh-cap-quoc-gia-420673.aspx) ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại.

d) Chi hỗ trợ “Tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau: *( theo khoản 6, Điều 5 của TT 171/2014/TT-BTC)*

- 01 vé máy bay khứ hồi/ 01 đơn vị tham gia;

- Tổ chức hội thảo giao thương: Thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, phiên dịch, tài liệu;

- Tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch;

- Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình;

- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là: 40 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Á; 60 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực: Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 100 triệu đồng)/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La Tinh.

đ) Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Ninh Bình tham gia hội chợ, triển lãm, khảo sát thị trường và giao dịch với doanh nghiệp tỉnh Ninh Bình để mua hàng. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:*( theo khoản 8, Điều 5 của TT 171/2014/TT-BTC)*

- Đón tiếp đoàn doanh nghiệp nước ngoài;

- Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình;

- Tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch;

- Các khoản chi khác (nếu có).

e) Tổ chức hội nghị quốc tế về ngành hàng xuất khẩu tại Ninh Bình. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau:

- Thuê và trang trí hội trường, trang thiết bị, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu;

- Tuyên truyền, quảng bá.

*(nội dung và mức hỗ trợ theo khoản 9, Điều 5 của TT 171/2014/TT-BTC)*

2. Hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistics phục vụ hoạt động ngoại thương *(theo khoản 2, Điều 15, Nghị định 28/2018/NĐ-CP; Mục 2, Chương II, Thông tư 11/2019/TT-BCT*)

a) Tổ chức, tham gia hội nghị, hội chợ, triển lãm ở nước ngoài về logistics. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí: *(theo điểm a, khoản 5, Điều 5 của TT 171/2014/TT-BTC)*

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

- Trang trí chung của khu vực Việt Nam (bao gồm cả gian hàng quốc gia nếu có);

- Chi phí tổ chức khai mạc (nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam): Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

- Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, phiên dịch, an ninh, lễ tân, nước uống, tài liệu, diễn giả;

- Trình diễn sản phẩm: Thuê địa điểm, thiết kế và trang trí sân khấu, âm thanh, ánh sáng, trang thiết bị, người trình diễn, người dẫn chương trình, phiên dịch;

- Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình;

- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 200 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

b) Mời đoàn doanh nghiệp vào Ninh Bình trao đổi về cơ hội đầu tư, hợp tác về phát triển dịch vụ logistics”, hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau:

- Đón tiếp đoàn doanh nghiệp nước ngoài;

- Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình;

- Tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch;

- Các khoản chi khác (nếu có).

*(nội dung và mức hỗ trợ theo khoản 8, Điều 5 của TT 171/2014/TT-BTC)*

c) Tổ chức, tham gia diễn đàn logistics, hội chợ triển lãm quốc tế về logistics tại Ninh Bình và các tỉnh thành phố trong cả nước. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí: *(theo khoản 1, Điều 12 Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg đã được sửa đổi tại Khoản 3, Điều 1 của Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg; điểm b, khoản 5, Điều 5 của TT 171/2014/TT-BTC)*

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

- Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa tính trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng);

- Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm;

- Trang trí chung của hội chợ triển lãm;

- Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

- Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị;

- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 12 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

3. Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa (theo khoản 3, Điều 15, Nghị định 28/2018/NĐ-CP; Mục 3, Chương II, Thông tư số 11/2019/TT-BCT)

- Xây dựng và phát hành thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường. Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 17, Mục 3, Thông tư số [11/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-11-2019-tt-bct-xuc-tien-thuong-mai-phat-trien-ngoai-thuong-chuong-trinh-cap-quoc-gia-420673.aspx);

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, áp dụng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu. Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 18, Mục 3, Thông tư số [11/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-11-2019-tt-bct-xuc-tien-thuong-mai-phat-trien-ngoai-thuong-chuong-trinh-cap-quoc-gia-420673.aspx);

-Tổ chức hoặc tham gia các chương trình khảo sát, tìm hiểu thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường. Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 19, Mục 3, Thông tư số [11/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-11-2019-tt-bct-xuc-tien-thuong-mai-phat-trien-ngoai-thuong-chuong-trinh-cap-quoc-gia-420673.aspx);

- Tổ chức hoặc tham gia các Hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn trong nước và nước ngoài cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường. Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 20, Mục 3, Thông tư số 11/2019/TT-BCT;

- Tổ chức, tham gia đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm xuất khẩu cho các doanh nghiệp và các nhà thiết kế. Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 21, Mục 3, Thông tư số 11/2019/TT-BCT;

- Tổ chức hoạt động tư vấn, thuê chuyên gia tư vấn, hỗ trợ thực hiện thiết kế, phát triển sản phẩm. Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 22, Mục 3, Thông tư số [11/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-11-2019-tt-bct-xuc-tien-thuong-mai-phat-trien-ngoai-thuong-chuong-trinh-cap-quoc-gia-420673.aspx);

- Tổ chức hoặc tham gia hoạt động kết nối giữa doanh nghiệp với các nhà thiết kế. Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 23, Mục 3, Thông tư số [11/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-11-2019-tt-bct-xuc-tien-thuong-mai-phat-trien-ngoai-thuong-chuong-trinh-cap-quoc-gia-420673.aspx);

- Tổ chức tuyên truyền, quảng bá ngành hàng, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận của Ninh Bình ở nước ngoài. Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 24, Mục 3, Thông tư số [11/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-11-2019-tt-bct-xuc-tien-thuong-mai-phat-trien-ngoai-thuong-chuong-trinh-cap-quoc-gia-420673.aspx);

- Mời tổ chức, chuyên gia truyền thông nước ngoài vào Việt Nam sản xuất sản phẩm truyền thông quảng bá cho ngành hàng xuất khẩu Ninh Bình ở nước ngoài. Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 25, Mục 3, Thông tư số [11/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-11-2019-tt-bct-xuc-tien-thuong-mai-phat-trien-ngoai-thuong-chuong-trinh-cap-quoc-gia-420673.aspx).

4. Hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường (theo khoản 4, Điều 15, Nghị định 28/2018/NĐ-CP; Mục 4, Chương II, Thông tư số 11/2019/TT-BCT)

- Đào tạo, tập huấn, tư vấn, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường. Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 26, Mục IV, Thông tư số [11/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-11-2019-tt-bct-xuc-tien-thuong-mai-phat-trien-ngoai-thuong-chuong-trinh-cap-quoc-gia-420673.aspx);

- Tổ chức, tham gia khóa đào tạo trọn gói của các tổ chức đào tạo (trực tiếp và trực tuyến). Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 27, Mục IV, Thông tư số [11/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-11-2019-tt-bct-xuc-tien-thuong-mai-phat-trien-ngoai-thuong-chuong-trinh-cap-quoc-gia-420673.aspx).

5. Áp dụng mức hỗ trợ 100% chi phí đối với các hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương quy định tại khoản 1,2,3,4 Điều này do các đơn vị được giao chức năng, nhiệm vụ xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh thực hiện hoặc do các Sở, ngành, địa phương có liên quan phối hợp thực hiện (được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt).

*(mức hỗ trợ 100% theo khoản 1, Điều 12 Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg đã được sửa đổi tại Khoản 3, Điều 1 của Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg do các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp không có nguồn kinh phí khác để thực hiện)*

**Điều 10. Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí đối với hoạt động xúc tiến thương mại thị trường trong nước**

1. Hỗ trợ “Tổ chức, tham gia các hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp; triển lãm hàng thủ công mỹ nghệ, quà tặng, hàng lưu niệm kết hợp hội chợ hàng tiêu dùng tổng hợp, máy móc thiết bị, sản phẩm đặc sản vùng miền của doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đến người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình”.

a) Đối với hội chợ trong tỉnh: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí cho đơn vị thực hiện là cơ quan quản lý nhà nước. Hỗ trợ 50% các khoản chi phí tổ chức cho các đơn vị không phải cơ quan Nhà nước các khoản chi phí sau: *(theo khoản 1, Điều 6 TT 171/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính)*

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

- Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa có trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng);

- Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm;

- Trang trí chung của hội chợ triển lãm;

- Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

- Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị;

- Chi phí tuyên truyền quảng bá giới thiệu hội chợ triển lãm;

- Các khoản chi khác (nếu có);

Mức hỗ trợ tối đa 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/đơn vị tham gia.

b) Tham gia hội chợ, triển lãm tại các tỉnh thành phố để quảng bá, giới thiệu sản phẩm hàng hóa của các doanh nghiệp, hợp tác xã,. Tổ hợp tác, hộ sản xuất kinh doanh, các hội, hiệp hội của tỉnh Ninh Bình đến người tiêu dùng trong cả nước. Nội dung, mức hỗ trợ như quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 9 Quy chế này.

2. Chi hỗ trợ “Tổ chức các hoạt động bán hàng, thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị thông qua doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng, hợp tác xã, tổ hợp tác xã cung ứng dịch vụ trên địa bàn theo các đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt”: Hỗ trợ 70% các khoản chi phí: *( theo khoản 2, Điều 6 Thông tư 171/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính)*

- Chi phí vận chuyển;

- Chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng;

- Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ;

- Trang trí chung của khu vực tổ chức hoạt động bán hàng;

- Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

- Chi phí quản lý, nhân công phục vụ;

- Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng;

- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 105 triệu đồng/1 đợt bán hàng.

3. Chi hỗ trợ hoạt động điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau: *( theo khoản 3, Điều 6, TT 171/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính)*

a) Chi phí mua tư liệu;

b) Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu;

c) Chi phí xuất bản và phát hành.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 01 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

4. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ của Ninh Bình đến nhà đầu tư, người tiêu dùng trong và ngoài nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, phát thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác. Hỗ trợ 100% chi phí thực hiện nội dung sản phẩm truyền thông và phát hành. *(theo khoản 4, Điều 6, TT 171/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính)*.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 95 triệu đồng /01 chuyên đề tuyên truyền.

5. Hỗ trợ công tác quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại. Hỗ trợ 50% các khoản chi phí (nếu chưa được nhà nước cấp kinh phí) liên quan đến công tác lập quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng, mua tư liệu nghiên cứu tham khảo. Mức hỗ trợ tối đa là 175 triệu đồng/01 cụm, điểm quy hoạch *(theo khoản 5, Điều 6, TT 171/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính)*.

6. Hỗ trợ 50% trong phạm vi các khoản chi phí theo nội dung cụ thể tại hợp đồng thực hiện đề án tổ chức các sự kiện tổng hợp xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp: Tháng khuyến mại, tuần “hàng Việt Nam”, chương trình “hàng Việt”, chương trình giới thiệu sản phẩm mới, bình chọn sản phẩm Việt Nam được yêu thích nhất theo tháng, quý, năm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này với mức khống chế số tiền hỗ trợ theo tỷ lệ tương ứng.

7. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước.

Hỗ trợ 100% các khoản chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên hoặc học phí trọn gói của khóa học. (*theo khoản 7, Điều 6 của TT 171/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính)*

**Điều 11. Nội dung và mức hỗ trợ đối với các nhiệm vụ xúc tiến thương mại khác**

Nội dung và mức hỗ trợ đối với các nhiệm vụ xúc tiến thương mại khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

**Chương III**

**XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**Điều 12. Xây dựng bổ sung, điều chỉnh, chấm dứt các nhiệm vụ, đề án thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại**

1. Các đơn vị chủ trì tham gia chương trình xúc tiến thương mại gửi hồ sơ đề xuất thực hiện chương trình đến Sở Công thương trước ngày 30/8 của năm trước năm kế hoạch.

2. Hồ sơ đề xuất các nhiệm vụ, đề án thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại của đơn vị chủ trì bao gồm:

a) Văn bản đề xuất nhiệm vụ, đề án thực hiện Chương trình (Mẫu số 01);

b) Nhiệm vụ, đề án chi tiết thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại (Mẫu số 02);

c) Báo cáo tình hình hoạt động xúc tiến thương mại của đơn vị chủ trì trong năm gần nhất.

3. Các trường hợp không xem xét hồ sơ đề xuất của đơn vị chủ trì:

a) Đơn vị chủ trì không đáp ứng điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 Quy chế này;

b) Hồ sơ không đầy đủ theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho đơn vị chủ trì về việc không xem xét hồ sơ và nêu rõ lý do.

4. Bổ sung nhiệm vụ, đề án thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại: Đơn vị chủ trì gửi hồ sơ đề xuất bổ sung nhiệm vụ, đề án đến Sở Công Thương.

a) Bổ sung nhiệm vụ, đề án ngoài các nhiệm vụ, đề án đã được phê duyệt chỉ thực hiện trong các trường hợp thật sự cần thiết, đảm bảo đủ cơ sở, đáp ứng các yêu cầu có liên quan;

b) Hồ sơ đề xuất bổ sung nhiệm vụ, đề án và các trường hợp không xem xét hồ sơ đề xuất bổ sung nhiệm vụ, đề án của đơn vị chủ trì thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều này. Mẫu văn bản đề xuất bổ sung nhiệm vụ, đề án thực hiện Chương trình theo (Mẫu số 03).

5. Điều chỉnh, thay đổi nội dung, chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, đề án

a) Trường hợp điều chỉnh, thay đổi nội dung thực hiện nhiệm vụ, đề án đã được phê duyệt, đơn vị chủ trì phải có văn bản gửi Sở Công Thương đề nghị điều chỉnh, thay đổi (Mẫu số 04);

b) Trên cơ sở văn bản đề nghị điều chỉnh, thay đổi của đơn vị chủ trì, Sở Công Thương xem xét tính phù hợp, sự cần thiết, Sở Công thương trả lời bằng văn bản đồng ý hoặc không đồng ý về việc điều chỉnh, thay đổi nội dung thực hiện nhiệm vụ, đề án. Đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra theo quy định;

c) Trường hợp đơn vị tham gia không thực hiện đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ nhiệm vụ, đề án đã được phê duyệt hoặc xét thấy nội dung nhiệm vụ, đề án không còn phù hợp, Sở Công Thương xem xét, quyết định việc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, đề án;

d) Trường hợp không thực hiện được hoặc không hoàn thành nhiệm vụ, đề án trong năm kế hoạch, đơn vị chủ trì có trách nhiệm báo cáo gửi Sở Công Thương để xem xét, quyết định.

6. Đề án mang tính dài hạn có quá trình thực hiện 02 năm, đơn vị chủ trì phải xây dựng nội dung và kinh phí tổng thể cho cả giai đoạn và chi tiết cho từng năm.

7. Sở Công Thương rà soát tiến độ, nội dung, kinh phí thực hiện các đề án để điều chỉnh, thu hồi kinh phí chưa sử dụng hết, phê duyệt bổ sung nhiệm vụ, đề án thực hiện chương trình.

**Điều 13. Thẩm định, phê duyệt và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh**

1. Tổ thẩm định căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu, nội dung quy định tại Quy chế này và tiêu chí lựa chọn đánh giá tiến hành thẩm định, đánh giá các nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại do Đơn vị chủ trì đề xuất. Trên cơ sở kết quả thẩm định của tổ thẩm định, Sở Công thương xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí Xúc tiến thương mại tỉnh và tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của Sở Công thương, gửi Sở Tài chính trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Nội dung thẩm định:

a) Phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị tham gia thực hiện Chương trình;

b) Phù hợp với định hướng chiến lược phát triển kinh tế của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Phù hợp với nội dung Chương trình quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Quy chế này;

d) Đảm bảo tính khả thi về phương thức triển khai; thời gian, tiến độ triển khai; nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật;

đ) Đối với các đề án mà quá trình thực hiện kéo dài qua 02 năm tài chính, đơn vị chủ trì phải xây dựng nội dung và kinh phí cho từng năm;

e) Sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu của đề án.

4. Sở Công Thương phê duyệt các nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại chi tiết trong kế hoạch xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh sau khi đã được UBND tỉnh phê duyệt và thực hiện giao dự toán hoặc ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại với Đơn vị chủ trì.

5. Sở Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh theo quy định của pháp luật. Các Đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện và thanh quyết toán kinh phí theo nội dung đã được phê duyệt phù hợp theo quy định.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 14. Trách nhiệm của Sở Công Thương**

1. Chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề ngoài quy định của Quy chế này hoặc vượt thẩm quyền; tham mưu trình Ủy ban nhân tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trong trường hợp cần thiết.

3. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý Chương trình xúc tiến thương mại theo quy định tại Quy chế này để bảo đảm Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.

4. Rà soát tiến độ, nội dung, kinh phí thực hiện các đề án để điều chỉnh, thu hồi kinh phí chưa sử dụng hết, phê duyệt bổ sung nhiệm vụ, đề án thực hiện chương trình.

5. Không tiếp nhận nhiệm vụ, đề án trong năm tiếp theo đối với đơn vị chủ trì vi phạm trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh.

**Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của Sở Công thương, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chương trình xúc tiến thương mại tỉnh theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

**Điều 16. Trách nhiệm của các Sở, ngành, địa phương liên quan**

Các Sở, ngành, địa phương liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương và các Đơn vị chủ trì trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại của tỉnh đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

**Điều 17. Trách nhiệm của Đơn vị chủ trì**

1. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, đề án được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán được duyệt và báo cáo kết quả sau khi kết thúc thực hiện mỗi nhiệm vụ/đề án (Mẫu số 05); đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

2. Đối với nhiệm vụ, đề án có nhiều đơn vị tham gia, đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp và phân công các đơn vị tham gia thực hiện từng nội dung của nhiệm vụ, đề án đảm bảo phù hợp.

3. Có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tham gia phù hợp với tiêu chí đã cam kết trong nhiệm vụ, đề án. Nội dung tham gia của doanh nghiệp, cơ sở phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của đơn vị.

4. Định kỳ 6 tháng và 1 năm, các Đơn vị chủ trì phải gửi báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại (thông qua Sở Công Thương tổng hợp).

5. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến việc triển khai nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định.

**Điều 18. Điều khoản thi hành**

1. Những nội dung về xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Quyết định số [72/2010/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/quyet-dinh-72-2010-qd-ttg-quy-che-xay-dung-quan-ly-thuc-hien-chuong-trinh-114740.aspx) ngày 15/11/2010, Quyết định số [12/2019/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/quyet-dinh-12-2019-qd-ttg-sua-doi-quyet-dinh-72-2010-qd-ttg-xuc-tien-thuong-mai-quoc-gia-408127.aspx) ngày 26/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số [11/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-11-2019-tt-bct-xuc-tien-thuong-mai-phat-trien-ngoai-thuong-chuong-trinh-cap-quoc-gia-420673.aspx) ngày 30/7/2019 và Thông tư số [40/2020/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-40-2020-tt-bct-sua-doi-thong-tu-11-2019-tt-bct-hoat-dong-xuc-tien-thuong-mai-459620.aspx) ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư số [171/2014/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-171-2014-tt-btc-ho-tro-tai-chinh-xuc-tien-thuong-mai-quoc-gia-257967.aspx) của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Đối với các nhiệm vụ, đề án đã được phê duyệt trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp các quy định được dẫn chiếu trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các quy định thay thế mới nhất.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo, đề xuất gửi Sở Công Thương tổng hợp, nghiên cứu tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp./.

**PHỤ LỤC**

MẪU VĂN BẢN, NHIỆM VỤ/ĐỀ ÁN, BÁO CÁO  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày… tháng … năm 2023 của UBND tỉnh Ninh Bình)*

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 01 | Văn bản đề xuất nhiệm vụ/đề án thực hiện Chương trình |
| Mẫu số 02 | Nhiệm vụ, Đề án chi tiết thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại |
| Mẫu số 03 | Văn bản đề xuất bổ sung nhiệm vụ, đề án thực hiện Chương trình |
| Mẫu số 04 | Văn bản đề nghị điều chỉnh/thay đổi nội dung/chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, đề án |
| Mẫu số 05 | Báo cáo thực hiện nhiệm vụ, đề án của đơn vị chủ trì |

**Mẫu số 01. Văn bản đề xuất nhiệm vụ/đề án thực hiện Chương trình**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** | |
| Số:        / V/v đề xuất nhiệm vụ, đề án thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại năm..... | | *......, ngày       tháng       năm* |

Kính gửi: Sở Công Thương.

*(Tên Đơn vị chủ trì)* đề xuất ......................... nhiệm vụ, đề án thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình năm ............. với tổng kinh phí đề nghị nhà nước hỗ trợ là ................ triệu đồng.

*(Tên Đơn vị chủ trì)* gửi kèm đây các tài liệu sau:

1. Danh mục nhiệm vụ, đề án thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại năm ............. được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên.

2. Nhiệm vụ, đề án chi tiết.

3. Báo cáo tình hình hoạt động xúc tiến thương mại của Đơn vị chủ trì trong năm gần nhất.

*(Tên Đơn vị chủ trì)* cử các nhân sự sau chịu trách nhiệm tổ chức triển khai Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình năm .............:

**Chủ nhiệm chương trình:** Ông/Bà ......................................... (Chức vụ)

Điện thoại cố định: ....................................... Di động: .................................

Fax: ................................................ Email: ...................................................

**Điều phối viên chương trình:** Ông/Bà ......................................(Chức vụ)

Điện thoại cố định: .................................. Di động: .........................................

Fax: .............................................. Email: ..................................................

Kính đề nghị Sở Công Thương tiếp nhận, thực hiện các thủ tục liên quan, xem xét phê duyệt./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: VT,.......... | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 02. Nhiệm vụ, Đề án chi tiết thực hiện Chương trình**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
|  | *........., ngày ......... tháng ......... năm .........* |

**NHIỆM VỤ/ĐỀ ÁN**

**Tên nhiệm vụ, đề án: ......................................................**

**1. Sự cần thiết**

- Nêu đặc điểm, tình hình; phân tích tính phù hợp của nhiệm vụ, đề án; nhu cầu của doanh nghiệp, HTX, cơ sở

- Nêu rõ lý do và sự cần thiết phải triển khai thực hiện nhiệm vụ, đề án.

- Đề án đã được đơn vị thực hiện từ năm .... Một số kết quả chính của các năm trước.

**2. Mục tiêu**

**3. Nội dung thực hiện**

- Thời gian:

- Địa điểm:

- Đối tượng mục tiêu: Nêu rõ thành phần doanh nghiệp dự kiến tham gia, tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp.

- Mặt hàng mục tiêu: Nêu rõ tiêu chí lựa chọn mặt hàng trưng bày.

- Thị trường mục tiêu:

- Quy mô: Số lượng doanh nghiệp dự kiến tham gia (và quy mô gian hàng dự kiến đối với hội chợ, phiên chợ).

- Nội dung hoạt động chính:

**4. Phương thức triển khai**

- Nêu rõ đối tác, nguyên tắc phối hợp để đạt mục tiêu đề án.

- Kinh nghiệm, khả năng hợp tác với các chuyên gia, đối tác uy tín trong và ngoài nước để thực hiện đề án.

- Các dịch vụ gia tăng đơn vị chủ trì có thể hỗ trợ doanh nghiệp, khả năng huy động các nguồn lực khác hỗ trợ doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động (nếu có).

- Đối với đề án đề xuất từ 02 năm trở lên:

+ Nêu rõ mặt hàng trọng điểm cụ thể từng năm, đối tượng khách hàng cụ thể cho ngành hàng mục tiêu từng năm, và hàng năm có thể điều chỉnh đề án phù hợp với diễn biến mới của thị trường.

+ Phương án triển khai cần làm rõ cách thức phát triển đề án các năm tiếp theo theo hướng tăng dần quy mô sự kiện hoặc tăng chất lượng các dịch vụ xúc tiến thương mại, chất lượng doanh nghiệp tham gia,...

+ Xây dựng phương án tài chính từng năm, phương án huy động tài chính từ các nguồn khác và doanh nghiệp theo hướng tăng dần mức đóng góp của doanh nghiệp qua số lần tham gia, giảm dần tỷ lệ hỗ trợ của nhà nước.

**5. Kế hoạch triển khai và tiến độ thực hiện**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hạng mục công việc chính** | **Thời gian bắt đầu** | **Thời gian kết thúc** | **Bố trí nhân lực** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Đối với đề án đề xuất từ 02 năm trở lên: Xây dựng kế hoạch triển khai và tiến độ thực hiện của từng năm trong giai đoạn đề xuất.

**6. Dự toán kinh phí:** Chi tiết theo bảng kèm theo

- Tổng dự toán kinh phí: ........................... đồng

- Phần đề nghị Nhà nước hỗ trợ: ........................... đồng

Đối với đề án từ 02 năm trở lên: Xây dựng dự toán chi tiết của từng năm trong giai đoạn.

**7. Rủi ro dự kiến và các biện pháp khắc phục**

Dự báo các rủi ro có thể xảy ra làm ảnh hưởng tới hiệu quả của chương trình. Trong từng tình huống, nêu ra các biện pháp khắc phục, phòng ngừa rủi ro.

**8. Hiệu quả dự kiến**

Phân tích hiệu quả dự kiến cả về mặt định tính và định lượng, ngắn hạn và dài hạn, trực tiếp và gián tiếp phù hợp với mục tiêu đề ra của chương trình.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI TIẾT NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI TỈNH NINH BÌNH NĂM .......**

**Tên nhiệm vụ, đề án ....................**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung hạng mục công việc** | **Dự toán đơn vị thực hiện đề nghị** | | | | | | **Ghi chú** | |
| **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Tổng kinh phí đề án** | **Tổng kinh phí hỗ trợ** |  | |
| **1** | **Chi phí hỗ trợ doanh nghiệp** |  |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| **2** | **Chi phí cho cán bộ tổ chức** |  |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | | | | | *......., ngày ......... tháng ......... năm ...* **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* | | | | |

**Mẫu số 03. Văn bản đề xuất bổ sung nhiệm vụ, đề án thực hiện Chương trình**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:       /  V/v đề xuất bổ sung nhiệm vụ, đề án thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại năm .......... | *........., ngày ......... tháng ......... năm .........* |

Kính gửi: Sở Công Thương.

Tiếp theo văn bản số... ngày... về việc đề xuất đề án thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình năm... (nếu trước đây đã đề xuất), *(Tên Đơn vị chủ trì)* đề xuất bổ sung ........... nhiệm vụ, đề án xúc tiến thương mại năm ................ với tổng kinh phí đề nghị nhà nước hỗ trợ là ............................ triệu đồng.

*(Tên đơn vị chủ trì)* gửi kèm đây các tài liệu sau:

1. Danh mục nhiệm vụ, đề án đề xuất bổ sung Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình năm ................

2. Nhiệm vụ, Đề án chi tiết được đề xuất bổ sung.

3. Báo cáo tình hình hoạt động xúc tiến thương mại của Đơn vị chủ trì trong năm gần nhất *(đối với đơn vị chưa đề xuất).*

*(Tên Đơn vị chủ trì)* cử các nhân sự sau chịu trách nhiệm tổ chức triển khai Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình năm .........................:

**Chủ nhiệm chương trình:** Ông/Bà ......................................- (Chức vụ)

Điện thoại cố định: .......................... Di động: ...........................................

Fax: ............................................... Email: ..................................................

**Điều phối viên chương trình:** Ông/Bà ................................. - (Chức vụ)

Điện thoại cố định: ................................... Di động: ..............................

Fax: ............................................ Email: ...........................................................

Kính đề nghị Sở Công Thương tiếp nhận, thực hiện các thủ tục liên quan, xem xét phê duyệt./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: VT,.......... | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 04. Văn bản đề nghị điều chỉnh/thay đổi nội dung/chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, đề án**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** | |
| Số:       /  V/v đề nghị điều chỉnh/thay đổi nội dung/chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, đề án Chương trình xúc tiến thương mại | | *........., ngày ......... tháng ......... năm .........* |

Kính gửi: Sở Công Thương.

Tại Quyết định số .... ngày .... tháng .... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình xúc tiến thương mại năm..., *(Đơn vị chủ trì)* đã được phê duyệt thực hiện nhiệm vụ, đề án *(Tên nhiệm vụ, đề án)* thuộc Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình năm .............. *(Đơn vị chủ trì)* đã triển khai công tác chuẩn bị thực hiện đề án và đề xuất như sau:

1. Đề nghị điều chỉnh/thay đổi nội dung/chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, đề án:

...........................................................................................................................

.................................................................................................................................

2. Lý do:

...........................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*(Đơn vị chủ trì)* đề nghị Sở Công Thương xem xét chấp thuận./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: VT,.......... | **ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 05. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ, đề án của đơn vị chủ trì**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
| Số:       /  V/v báo cáo kết quả thực hiện đề án thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình năm.... | | *........, ngày ......... tháng ......... năm .........* |

Kính gửi: Sở Công Thương.

Thực hiện Đề án (Tên Đề án) thuộc Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số        /QĐ-UBND ngày... tháng... năm....., (Tên đơn vị chủ trì) báo cáo kết quả thực hiện như sau:

1. Mục tiêu chính của đề án: ………….. 2. Thời gian thực hiện:……………

3. Địa điểm:…………4. Đối tượng tham gia: …………….

5. Quy mô:………. a) Số lượng đơn vị tham gia:..., trong đó: Số lượng DNVVN .........., HTX... b) Gian hàng (nếu có): ........ gian hàng (quy theo gian hàng tiêu chuẩn 9 m2).

6. Kết quả thực hiện từng mục tiêu đã đề ra: đề nghị đánh giá kết quả thực hiện so với các mục tiêu của Đề án.

7. Kết quả giao dịch (nếu có): - Số lượng khách giao dịch:....... - Số lượng khách hàng nhập khẩu tiềm năng:…… - Thị trường xuất khẩu tiềm năng:……. - Doanh số bán hàng:……. - Hợp đồng/Thỏa thuận đã ký kết (nếu có):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mặt hàng** | **Khách hàng (thị trường)** | **Số lượng** | **Trị giá/đơn vị tính** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

- Kết quả khác:

8. Đánh giá về mặt hàng/thị trường/khả năng cạnh tranh của đơn vị tham gia.

9. Đánh giá của đơn vị tham gia: (tổng hợp dựa trên báo cáo phản hồi của các đơn vị tham gia chương trình).

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đánh giá** | **Rất tốt** | **Tốt** | **Khá** | **Trung bình** | **Kém** |
| 1 | Nội dung chương trình | % | % | % | % | % |
| 2 | Công tác tổ chức thực hiện | % | % | % | % | % |
| 3 | Hiệu quả tham gia chương trình | % | % | % | % | % |

10. Đề xuất, kiến nghị:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: VT. | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |